

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN M  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HSST  
Ngày: 27-8-2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Nương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Dương Văn Nghiêm

2/ Bà Lê Thị Tân An

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ..

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận M tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh T Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 55/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Võ Văn T.**

Tên gọi khác: B;

Ngày tháng năm sinh: 1987; Nơi sinh: Cần Thơ;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu vực Thới T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn (văn hóa): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thành N, sinh năm:

1961 (sống) và bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1960 (sống); anh chị em có 03 người (lớn sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1982); Vợ, con: không.

Tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo Võ Văn T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa.*

## **2. Nguyễn Kim Đ.**

Tên gọi khác: không;

Ngày tháng năm sinh: 1991.

Nơi sinh: Cần Thơ;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu vực Thới T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ;

Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn (văn hóa): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1968 (sống) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965 (sống); anh chị em có 03 người (lớn sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1982); Vợ, con: không.

Tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo Nguyễn Kim Đ bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa.*

**Bị hại:** Bà **Hồ Thị Đ**, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khu vực Thới T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ. *Có mặt.*

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. **Nguyễn Văn L** (tên gọi khác: D), sinh năm 1983. Địa chỉ: khu vực P, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ. *Có mặt.*

2. **Phạm Thị N**, sinh năm 1960. Địa chỉ: khu vực P, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ. *Có mặt.*

3. **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1966. Địa chỉ: Khu vực Thới T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ. *Vắng mặt.*

4. **Huỳnh Kim T**, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khu vực Thới T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ. *Vắng mặt.*

5. **Trần Ánh N**, sinh năm 1987. Địa chỉ: 2/90 Bùi Thị Xuân, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. *Vắng mặt.*

6. **Nguyễn Hoàng Đ**, sinh năm 1999. Địa chỉ: Khu vực Thới T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

8. **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu vực Thới T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

*\* Người làm chứng:*

1. Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khu vực Thới T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

2. Chị **Đinh Thị Châu Đ**, sinh năm 2001. Địa chỉ: khu vực P, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.

3. Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Khu vực Thới T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 00 ngày 08/12/2019, bị cáo Võ Văn T đang ở nhà cùng với ông Võ Thành N (sinh năm 1961, cha ruột của bị cáo T bị tai biến) và chị dâu là Nguyễn Thị C (sinh năm 1981) tại căn nhà thuộc khu vực Thới T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ, thì bị cáo Võ Văn T phát hiện trên giường ngủ của bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1960 (là mẹ ruột của T) có để một sợi dây chuyền và có mặt bằng vàng nên nảy sinh ý định lấy trộm để bán lấy tiền tiêu xài. Quan sát xung quanh không có ai nên bị cáo T đã lấy sợi dây chuyền và mặt dây chuyền vàng của bà Đ bỏ vào túi quần. Sau khi lấy trộm được tài sản, bị cáo T đi bộ đến nhà bị cáo Nguyễn Kim Đ nói với bị cáo Đ là vàng trộm được của nhà kế bên, sau đó bị cáo T nói rõ với bị cáo Đ là vàng trộm của bà Đ và rủ Đ chở đi bán tài sản, bị cáo Đ đồng ý nên đã mượn xe mô tô hiệu Sirius biển số 65E1-022.30 của Nguyễn Hoàng Đ (do ông Nguyễn Văn K đứng tên sở hữu) để chở T đi bán vàng, nhưng do không biết chỗ bán nên T kêu Đ chở đến gặp anh Nguyễn Văn L đang làm công nhân tại nhà máy S thuộc khu vực Thới Mỹ, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ. Tại đây, bị cáo T nhờ L đi bán dùm sợi dây chuyền (T đã gỡ mặt giữ lại) nhưng không nói rõ nguồn

gốc từ đâu có, L đồng ý đi bán vàng dùm bị cáo T. L đến tiệm vàng T thuộc khu vực T phường T, quận M do bà Trần Ánh N là chủ tiệm, bán sợi dây chuyền cho nhân viên tên Đinh Thị Châu Đ (sinh năm 2001) được số tiền 13.308.000 đồng. Sau khi bán được sợi dây chuyền vàng thì L về gặp các bị cáo T và Đ rủ về nhà L để nhậu thì các bị cáo đồng ý.

Tại nhà L thì L đưa cho bị cáo T số tiền bán sợi dây chuyền là 13.308.000 đồng và giấy bán vàng, T nhận tiền và đốt bỏ giấy bán vàng, lúc này, bị cáo T cho L 200.000 đồng để trả công đi bán vàng, số tiền còn lại T đưa bị cáo Đ giữ dùm và nói với Đ là cho hai đứa con của L 100.000 đồng, khi bà Phạm Thị N (mẹ của L) thấy Đ cầm nhiều tiền hỏi mượn thì Đ nói của T, bà N hỏi mượn thì bị cáo T đồng ý cho bà N mượn 2.000.000 đồng (T nói tiền do cá độ thắng có được), khi bà N đi vào nhà thì bị cáo T đưa cho L mặt dây chuyền và kêu L cất giữ khi cần thì T đến lấy.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, bị cáo T, bị cáo Đ và L nghỉ nhậu, bị cáo T kêu bị cáo Đ chở đến chợ T mua đồ tiếp tục về nhà Đ nhậu, T mua khoảng 500.000 đồng. Khi về đến nhà bị cáo Đ thì bị cáo T lấy lại số tiền đã gửi Đ giữ. Sau đó, các bị cáo T, Đ qua nhà của Nguyễn Văn T (Bé T) gần đó để nhậu tiếp. Tại đây, T có đưa cho ông Nguyễn Văn M (là cha ruột của T) giữ dùm 2.000.000 đồng và cho ông M 200.000 đồng để tiêu xài, gửi bà Huỳnh Kim T (là mẹ ruột của T) giữ dùm 5.000.000 đồng và cho bà Thị 200.000 đồng để tiêu xài, tiền gửi ông M, bà T thì T nói do làm hồ có được; T cho Đ 400.000 đồng và T tự cất giấu số tiền 2.500.000 đồng dưới chiếu ngủ của Đ. Khi bà Hồ Thị Đ phát hiện tài sản bị mất tìm T hỏi nhưng T không thừa nhận nên bà trình báo công an phường T.

Kết luận định giá tài sản số 64/KLĐG ngày 26/12/2019 của Hội Đ định giá tài sản quận M kết luận: 01 mặt dây chuyền có gắn đá trắng (hột thường không có giá trị), trọng lượng vàng có hột là 1,576 chỉ, trọng lượng vàng không hột là 1,486 chỉ, đã qua sử dụng, vào thời điểm ngày 08/12/2019 có giá là 2.584.000đ x 1,486 chỉ = 3.839.824 Đ (bút lục số 226, 227, 228).

Kết luận định giá tài sản số 04/KLĐG ngày 06/02/2020 của Hội Đ định giá tài sản quận M kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18K, loại mắc xích, khoen lật, trọng

lượng vàng là 5,032 chỉ, vào thời điểm ngày 08/12/2019 có giá trị là 15.020.520 Đ. (Bút lục số 229, 230,231).

Tổng giá trị tài sản của bà Hồ Thị Đ bị mất trộm ngày 08/12/2019 là 18.860.344 Đ.

Đối với Nguyễn Văn L: T có nhờ L đi bán tài sản do T trộm được nhưng L không biết rõ nguồn gốc tài sản là do T phạm tội mà có. Do đó, không có cơ sở xử lý Nguyễn Văn L về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Trần Ánh N và Đinh Thị Châu Đ (là chủ tiệm và nhân viên của tiệm vàng T) khi mua sợi dây chuyền do Nguyễn Văn L bán thì không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý. Đồng thời sợi dây chuyền sau khi mua chị N đã nấu lại nên không thu hồi được. (Bút lục số 47-50, 51-56; 243)

Riêng xe mô tô hiệu Sirius biển số 65E1-022.30 mà Nguyễn Kim Đ mượn của Nguyễn Hoàng Đ (do ông Nguyễn Văn K đứng tên sở hữu) để làm phương tiện đi tiêu thụ tài sản khi Đ mượn xe của Đ thì chỉ nói với Đ là đi công việc, không có nói cho Đ biết mục đích mượn xe là để đi bán vàng trộm được cùng với T nên không có cơ sở để xử lý. (Bút lục số 57-58, 59-60).

Vật chứng: 01 (một) mặt dây chuyền kim loại màu vàng, có hình Oval, có gắn đá trắng, đã qua sử dụng (do Nguyễn Văn L giao nộp). Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 12.200.000 đồng (trong đó ông M giao nộp 2.200.000 đồng, Huỳnh Kim T giao nộp 5.200.000 đồng, bà N giao nộp 2.000.000 đồng, L giao nộp 300.000 đồng và thu tại nhà Đ 2.500.000 đồng); 01 (một) áo thun nam tay ngắn màu đỏ đã qua sử dụng, 01 (một) quần jean sọt nam màu xanh trắng đã qua sử dụng, 01 (một) mũ bảo hiểm có màu xanh dương đã qua sử dụng.( bút lục số 234-240).

Trách nhiệm dân sự: Bà Hồ Thị Đ yêu cầu được nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường (bút lục số 268-269).

Tại Cáo trạng số 41/CT-VKS-OM ngày 25 tháng 5 năm 2020 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ đã truy tố Võ Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và truy tố Nguyễn Kim Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm trình bày lời luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Qua phân tích những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng: khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm i, s khoản 2 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Võ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Xử phạt bị cáo mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 323, Điều 38, điểm i, s khoản 2 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuyên bố Nguyễn Kim Đ phạm tội” Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, Xử phạt bị cáo mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

*Trách nhiệm dân sự:* bà Hồ Thị Đ yêu cầu được nhận lại tài sản là 01 (một) mặt dây chuyền kim loại màu vàng, hình Oval có hạt màu trắng và số tiền bán vàng còn lại là 12.200.000 Đ cho bà Hồ Thị Đ. Ngoài ra bà Đ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 47; 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) mặt dây chuyền kim loại màu vàng, hình Oval có hạt màu trắng và số tiền bán vàng còn lại là 12.200.000 Đ trả lại cho bà Hồ Thị Đ. Đối với: 01 (một) áo thun nam tay ngắn màu đỏ đã qua sử dụng, 01 (một) quần jean sọt nam màu xanh trắng đã qua sử dụng, 01 (một) mũ bảo hiểm có màu xanh dương đã qua sử dụng, đã thu giữ của anh L và anh có yêu cầu nhận lại nên đề nghị trả lại cho anh L.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội xin Hội Đ xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận M, điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; của Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người

nào khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về căn cứ buộc tội: Lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa; lời khai của các bị cáo thể hiện tại các Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung bị can, Biên bản đối chất; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản tiếp nhận tin báo về tội phạm ngày 08/12/2019; Bản kết luận định giá tài sản số 64/KLĐG ngày 26/12/2019, Kết luận định giá tài sản số 04/KLĐG ngày 06/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản quận M; Biên bản ghi lời khai của người bị hại, người làm chứng; tang vật và chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ và cơ sở kết luận:

[3] Vào khoảng 07 giờ ngày 08 tháng 12 năm 2019, tại căn nhà của gia đình tại khu vực T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ, bị cáo Võ Văn T đã có hành vi lén lút lấy trộm 01(một) sợi dây chuyền và 01 (một) mặt dây chuyền vàng, loại vàng 18K để trên giường ngủ của bà Hồ Thị Đ (là mẹ ruột bị cáo), mục đích lấy vàng là để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Qua điều tra chứng minh được tài sản bị cáo T lấy trộm 01 sợi dây chuyền và mặt bằng vàng, loại vàng 18K, tổng trọng lượng 6.918 chỉ, theo các Bản kết luận định giá tài sản số 64/KLĐG ngày 26/12/2019 và số 04/KLĐG ngày 06/02/2020 của Hội Đ định giá tài sản quận M kết luận: tổng trị giá 01 sợi dây chuyền và mặt bằng vàng là 18.860.344 Đ.

[4] Bị cáo Võ Văn T là công dân đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của bản thân gây ra, lợi dụng vào sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ tài sản, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản tổng trị giá là 18.860.344 Đ của bị hại bà Hồ Thị Đ với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Bị cáo Nguyễn Kim Đ mặc dù không hứa hẹn trước nhưng khi bị cáo Võ Văn T mang một sợi dây chuyền vàng và mặt bằng vàng đến nhờ bị cáo Đ đi tiêu thụ thì bị cáo Đ đã đồng ý. Bị cáo Đ biết rõ tài sản này do bị cáo T trộm cắp mà có mà vẫn mượn xe chở T tìm nơi tiêu thụ, mục đích được chia tiền tiêu xài sau khi bán

được tài sản. Hành vi của bị cáo Nguyễn Kim Đ đủ yếu tố cấu thành Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, xét việc đưa ra truy tố, xét xử đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[6] Về tính chất hành vi phạm tội: Các bị cáo có tuổi đời trẻ, bản thân có sức khỏe nhưng không lo chí thú làm ăn, tìm công việc phù hợp có thu nhập hợp pháp để nuôi sống bản thân, giúp ích cho gia đình và xã hội, lại thích sống hưởng thụ, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động vất vả nên đã đi vào con đường phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội tại địa phương nên phải bị pháp luật trừng trị. Để có tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội cần xử mức án nghiêm khắc tương ứng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[7] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có. Xét các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; nhân thân chưa tiền án, tiền sự; tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi, bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Đ tỏ rõ sự ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Qua đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Bị cáo T tuy tỏ rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nhưng còn quanh co.

[8] Đối với Nguyễn Văn L: Bị cáo T cho rằng khi nhờ L đi bán sợi dây chuyền thì T không nói rõ nguồn gốc tài sản là do T phạm tội mà có, khi đưa mặt dây chuyền thì bị cáo T không nhớ là có nói rõ nguồn gốc hay không do lúc đó đã có uống rượu. Lời khai bị cáo T tại cơ quan điều tra cho rằng không nói với L về nguồn gốc của tài sản và khi giao tài sản chỉ có bị cáo và anh L, không có người nào khác. Anh L xác định khi bị cáo T đưa sợi dây chuyền nhờ đi bán dùm và khi đưa mặt dây chuyền cho anh cất giữ thì anh L không hỏi bị cáo T về nguồn gốc do đâu mà có.



Anh L cũng không nghe ai nói nên không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý.

Đối với Trần Ánh N và Đinh Thị Châu Đ (là chủ tiệm và nhân viên của tiệm vàng T) khi mua sợi dây chuyền do Nguyễn Văn L bán thì không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bà Hồ Thị Đ yêu cầu được nhận lại tài sản là 01 (một) mặt dây chuyền kim loại màu vàng, hình Oval có hạt màu trắng và số tiền bán vàng còn lại là 12.200.000 đồng. Đây là tài sản và giá trị tài sản của bị hại bị chiếm đoạt nên yêu cầu được nhận lại là phù hợp nên chấp nhận. Ngoài ra bà Đ không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] *Về xử lý vật chứng*: xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[11] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Tuyên bố: Võ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.**

Căn cứ khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Tuyên bố: Nguyễn Kim Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.**

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Xử phạt Võ Văn T 09 (chín) tháng tù.**

Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng: khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

**Xử phạt Nguyễn Kim Đ 06 (sáu) tháng tù.**

Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

**Trách nhiệm dân sự:**

Bà Hồ Thị Đ chỉ yêu cầu được nhận lại tài sản đã thu hồi được là 01 (một) mặt dây chuyền kim loại màu vàng, hình Oval có hạt màu trắng và số tiền 12.200.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận. Ngoài ra bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

**Xử lý vật chứng:** Áp dụng điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bà Hồ Thị Đ gồm: 01 (một) mặt dây chuyền kim loại màu vàng, hình Oval có hạt màu trắng và số tiền 12.200.000 đồng.

Trả lại cho anh Nguyễn Văn L 01 (một) áo thun nam tay ngắn màu đỏ đã qua sử dụng, 01 (một) quần jean sọt nam màu xanh trắng đã qua sử dụng, 01 (một) mũ bảo hiểm có màu xanh dương đã qua sử dụng.

**Về án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Võ Văn T phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Kim Đ phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa; kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng

mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân TP.Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận M;
- Công an quận M;
- Chi cục THADS Q. M;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LƯU THỊ HỒNG NƯƠNG**

